TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13-ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2025/DS -ST
Ngày: 11/9/2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Trưởng
2. Ông Lương Công Trình

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13- Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Nhi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13-Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-DS ngày 08/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: F L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội (Nay thuộc F L, phường H, thành phố Hà Nội). Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành T- Phó Giám đốc Phòng C (Theo Giấy ủy quyền 06/8/2025 do Giám đốc ký); Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (Nay thuộc thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt tại phiên tòa;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn L1, sinh năm 1968 và anh Trần Văn L2, sinh năm 1997; Đồng trú tại: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên (Nay thuộc thôn P, xã P, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2024 của Ngân hàng C (viết tắt Ngân hàng), trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện cho Ngân hàng ông Nguyễn Thành T trình bày: Vào ngày 09/12/2019 Ngân hàng có cho bà Nguyễn Thị Ngọc L vay Chương trình hộ cận nghèo số tiền 75.000.000đ, theo mã món vay: 6600000716806162, mục đích chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất 7,92%/năm, thời hạn 36 tháng. Theo đó, ông Trần Văn L1 và anh Trần Văn L2 là thành viên trong hộ gia đình có giấy ủy quyền cho bà L đứng tên vay và thực hiện các giao dịch với Ngân hàng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà L, ông L1 và anh L2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/9/2025) bà L,

ông L1 và anh L2 còn nợ tổng số tiền 98.693.632đ (Trong đó tiền gốc 75.000.000đ, tiền lãi trong hạn 21.475.194đ, lãi quá hạn 2.218.438đ. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà L, ông L1 và anh L2 cùng có trách nhiệm trả ngay số tiền nợ nêu trên.

Theo biên bản xác minh tại Công an xã P, tỉnh Đắk Lắk ngày 17/7/2025 cung cấp: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Trần Văn L1 và anh Trần Văn L2 đều đăng ký nhân khẩu tại thôn P, xã H, huyện P (N thuộc thôn P, xã P), hiện nay bà L, ông L1 và anh L2 đều không có mặt tại địa phương, đi làm ăn, thỉnh thoảng có về địa phương. Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 13- Đắk Lắk) nhiều lần triệu tập hợp lệ bà L, ông L1 và anh L2 và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt và Tòa án đã tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L1 và anh Trần Văn L2 phải trả cho Ngân hàng C- Phòng C số tiền 98.693.632đ (Trong đó tiền gốc 75.000.000đ, tiền lãi trong hạn 21.475.194đ, lãi quá hạn 2.218.438đ). Về án phí bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] Về thủ tục tố tụng**: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả số tiền nợ về khoản hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13- Đắk Lắk.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L1 và anh Trần Văn L2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[**2] Về nội dung vụ án:** Trong quá trình thu thập chứng cứ, hòa giải và tranh luận tại phiên tòa bên nguyên đơn Ngân hàng C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L1, anh Trần Văn L2 phải trả nợ, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/9/2025) còn nợ món Hộ cận nghèo tiền gốc 75.000.000đ, tiền lãi trong hạn 21.475.194đ, lãi quá hạn 2.218.438đ, tổng cộng 98.693.632đ. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với bà L, ông L1 và anh L2 diễn ra giao dịch vay tiền là có thật và hiện nay còn nợ tiền Ngân hàng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay chương trình Hộ cận nghèo, có chữ ký của bà Nguyễn Thị Ngọc L và giấy ủy quyền của ông L1 và anh L2 cho bà L đứng tên vay và giao dịch với Ngân hàng, theo đó Ngân hàng đã phê duyệt món vay Hộ cận nghèo số tiền 75.000.000đ, tuy nhiên sau vay tiền bà L, ông L1 và anh L2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân

hàng khởi kiện. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L1 và anh Trần Văn L2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không đến Tòa làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền nợ, nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ nêu trên.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (11/9/2025) bà L, ông L1 và anh L2 còn nợ tiền món Hộ cận nghèo tiền gốc 75.000.000đ, tiền lãi trong hạn 21.475.194đ, lãi quá hạn 2.218.438đ, tổng cộng 98.693.632đ. Xét thấy yêu cầu tính lãi trên của Ngân hàng là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**4] Về án phí:** Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L1 và anh Trần Văn L2 phải chịu 4.934.000đ án phí Dân sự sơ thẩm. (98.693.632đ x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự
Căn cứ Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L1 và anh Trần Văn L2 cùng có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng C- Phòng C số tiền 98.693.632đ (Chín mươi tám triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng) (Trong đó tiền gốc 75.000.000đ, tiền lãi trong hạn 21.475.194đ, lãi quá hạn 2.218.438đ) về khoản hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 11/9/2025, bà L, ông L1 và anh L2 còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Trần Văn L1 và anh Trần Văn L2 phải chịu 4.934.000đ *(Bốn triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 13;
- Phòng THADS khu vực 13;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Sơn